

Số: 72/2017/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Quy định biểu mẫu của các cơ quan, đơn vị gửi cơ quan tài chính và Ủy ban nhân dân cấp trên; thời gian gửi báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán, phân bổ ngân sách địa phương và quyết toán ngân sách địa phương, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương của Ủy ban nhân dân các cấp đến các ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân cùng cấp; thời gian giao dự toán ngân sách địa phương của Ủy ban nhân dân các cấp cho các cơ quan, đơn vị và ngân sách địa phương cấp dưới

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ về ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Xét Tờ trình số 4439/TTr-UBND ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 62/BC-HĐND ngày 30/6/2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định biểu mẫu của các cơ quan, đơn vị gửi cơ quan tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh cấp trên; thời gian gửi báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán, phân bổ ngân sách địa phương và quyết toán ngân sách địa phương, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương của Ủy

ban nhân dân các cấp đến các ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân cùng cấp; thời gian giao dự toán ngân sách địa phương của Ủy ban nhân dân các cấp cho các cơ quan, đơn vị và ngân sách địa phương cấp dưới.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
- Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 07/7/2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/7/2017.//

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ (b/c);
- Các bộ: Tài chính; KH-ĐT; Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII;
- Các ban và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP HĐND, VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PTTH, Báo QN, TTTT;
- Lưu: VT, KTNS2.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đọc

QUY ĐỊNH

Quy định biểu mẫu của các cơ quan, đơn vị gửi cơ quan tài chính và Ủy ban nhân dân cấp trên; thời gian gửi báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán, phân bổ ngân sách địa phương và quyết toán ngân sách địa phương, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương của Ủy ban nhân dân các cấp đến các ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân cùng cấp; thời gian giao dự toán ngân sách địa phương của Ủy ban nhân dân các cấp cho các cơ quan, đơn vị và ngân sách địa phương cấp dưới

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)*

I. Thời gian gửi báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán, phân bổ ngân sách địa phương và quyết toán ngân sách địa phương, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương của Ủy ban nhân dân các cấp đến các ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân cùng cấp.

1. Báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương.

TT	Nơi nhận báo cáo	Thời gian quy định
1	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh	Trước ngày 20/11 năm thứ 4 của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước
2	Các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh	Chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm của năm thứ 5 của kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn trước
3	Hội đồng nhân dân tỉnh	Chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm của năm thứ 5 của kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn trước

2. Báo cáo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm của địa phương:

2.1. Đối với báo cáo dự kiến Kế hoạch trung hạn 05 năm nguồn vốn ngân sách Trung ương:

TT	Nơi nhận báo cáo	Thời gian quy định
1	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh	Trước ngày 05/11 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước

2.1. Đối với báo cáo dự kiến Kế hoạch trung hạn 05 năm nguồn vốn ngân sách địa phương:

a) Báo cáo dự kiến lần thứ nhất Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau:

TT	Cơ quan trình	Nơi nhận báo cáo	Thời gian quy định
1	Ủy ban nhân dân tỉnh	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh	Trước ngày 10/12 năm thứ tư của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước
2	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện	Trước ngày 10/9 năm thứ tư của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước
3	Ủy ban nhân dân cấp xã	Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã	Trước ngày 01/9 năm thứ tư của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước

b) Báo cáo nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn sau do địa phương quản lý:

TT	Nơi nhận báo cáo	Thời gian quy định
1	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh	Chậm nhất 15 ngày làm việc sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến lần thứ nhất Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau

c) Báo cáo dự kiến lần thứ 2 Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau:

TT	Cơ quan trình	Nơi nhận báo cáo	Thời gian quy định
1	Ủy ban nhân dân tỉnh	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh	Trước ngày 10/6 năm thứ năm của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước
2	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện	Trước ngày 10/5 năm thứ năm của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước
3	Ủy ban nhân dân cấp xã	Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã	Trước ngày 01/5 năm thứ năm của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước

2.2 Báo cáo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau:

TT	Cơ quan trình	Nơi nhận báo cáo	Thời gian quy định
1	Ủy ban nhân dân tỉnh	Các ban Hội đồng nhân dân tỉnh	Trước ngày 10/11 năm thứ năm của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước; đảm bảo trước 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh
		Hội đồng nhân dân tỉnh	Chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

TT	Cơ quan trình	Nơi nhận báo cáo	Thời gian quy định
2	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Các ban Hội đồng nhân dân cấp huyện	Trước ngày 10/11 năm thứ năm của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước; đảm bảo trước 10 ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp huyện
		Hội đồng nhân dân cấp huyện	Chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp huyện
3	Ủy ban nhân dân cấp xã	Các ban Hội đồng nhân dân cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp xã	Trước ngày 10/11 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước; đảm bảo trước 10 ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp xã
			Chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp xã

3. Kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 3 năm địa phương:

TT	Nơi nhận báo cáo	Thời gian quy định
1	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh	Trước ngày 15/6 hàng năm
2	Các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh	Chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm
3	Hội đồng nhân dân tỉnh	Chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm

4. Dự toán, phân bổ ngân sách địa phương:

TT	Cơ quan trình	Nơi nhận báo cáo	Thời gian quy định
1	Ủy ban nhân dân tỉnh	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh	Trước ngày 10/7 hàng năm
		Các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh	Chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm
		Hội đồng nhân dân tỉnh	Chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm
2	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Các ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện	Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp huyện cuối năm
		Hội đồng nhân dân cấp huyện	Chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp huyện cuối năm
3	Ủy ban nhân dân cấp xã	Các ban của Hội đồng nhân dân cấp xã	Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp xã cuối năm
		Hội đồng nhân dân cấp xã	Chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND cấp xã cuối năm

5. Quyết toán ngân sách địa phương:

TT	Cơ quan trình	Nơi nhận báo cáo	Thời gian quy định
1	Ủy ban nhân dân tỉnh	Các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh	Chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm
		Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh	Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm
		Hội đồng nhân dân tỉnh	Chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm
2	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Các ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện	Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm sau năm kế hoạch Hội đồng nhân dân cấp huyện
		Thường trực hội đồng nhân dân cấp huyện	Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm sau năm kế hoạch Hội đồng nhân dân cấp huyện
		Hội đồng nhân dân cấp huyện	Chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm sau năm kế hoạch Hội đồng nhân dân cấp huyện
3	Ủy ban nhân dân cấp xã	Ban kinh tế - xã hội của Hội đồng nhân dân cấp xã	Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm sau năm kế hoạch Hội đồng nhân dân cấp xã
		Thường trực Hội đồng nhân dân	Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm sau năm kế hoạch Hội đồng nhân dân cấp xã
		Hội đồng nhân dân cấp xã	Chậm nhất là 7 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm sau năm kế hoạch Hội đồng nhân dân cấp xã

6. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương:

TT	Nơi nhận báo cáo	Thời gian quy định
1	Các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh	Chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm, trước ngày 10/12 của năm cuối thời kỳ ổn định ngân sách
2	Hội đồng nhân dân tỉnh	Chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm

II. Quy định thời gian giao dự toán ngân sách địa phương của Ủy ban nhân dân các cấp cho các cơ quan, đơn vị và ngân sách địa phương cấp dưới phù hợp với tình hình của địa phương và quy định của Luật Ngân sách nhà nước

STT	Cơ quan trình	Thời gian quy định
-----	---------------	--------------------

1	Ủy ban nhân dân tỉnh	Chậm nhất 05 làm việc kể từ ngày Hội đồng nhân dân quyết định dự toán
2	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Chậm nhất 05 làm việc kể từ ngày Hội đồng nhân dân quyết định dự toán
3	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chậm nhất 05 làm việc kể từ ngày Hội đồng nhân dân quyết định dự toán

III. Biểu mẫu của các cơ quan, đơn vị gửi cơ quan tài chính và Ủy ban nhân dân cấp trên đảm bảo lập kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán, phân bổ ngân sách địa phương và quyết toán ngân sách địa phương

1. Biểu mẫu lập kế hoạch tài chính 05 năm địa phương:

TT	Tên biểu	Số biểu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan nhận
1	Dự báo một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu giai đoạn	Biểu số 1.1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính
2	Kế hoạch thu ngân sách nhà nước giai đoạn	Biểu số 1.2	Cục Thuế, Cục Hải quan	Sở Tài chính

2. Biểu mẫu lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương:

TT	Tên biểu	Số biểu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan nhận
1	Tổng hợp nhu cầu và dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn N-N+4	Biểu số 2.1	UBND cấp dưới	UBND cấp trên
2	Chi tiết dự kiến Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn N-N+4	Biểu số 2.2	UBND cấp dưới	UBND cấp trên
3	Chi tiết tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn (N-5)-(N-1)	Biểu số 2.3	UBND cấp dưới	UBND cấp trên
4	Tình hình thực hiện Kế hoạch trung hạn giai đoạn (N)-(N-1) vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (các dự án đưa vào cân đối ngân sách nhà nước)	Biểu số 2.4	UBND cấp dưới	UBND cấp trên
5	Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn (N-N+4) vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (các dự án đưa vào cân đối ngân sách nhà nước)	Biểu số 2.5	UBND cấp dưới	UBND cấp trên

3. Biểu mẫu lập kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương:

TT	Tên biểu	Số biểu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan nhận
1	Dự báo một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu giai đoạn 03 năm	Biểu số 3.1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính
2	Dự kiến thu cân đối ngân sách nhà nước theo sắc thuế giai đoạn 03 năm	Biểu số 3.2	Cục Thuế tỉnh	Sở Tài chính
3	Dự kiến chi cân đối ngân sách địa phương theo cơ cấu chi giai đoạn 03 năm	Biểu số 3.3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính
4	Dự kiến chi ngân sách cấp tỉnh theo lĩnh vực giai đoạn 03 năm	Biểu số 3.4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính
5	Cập nhật, đánh giá tình hình thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu giai đoạn 03 năm	Biểu số 3.5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính
6	Cập nhật, đánh giá thu ngân sách nhà nước theo sắc thuế giai đoạn 03 năm	Biểu số 3.6	Cục Thuế tỉnh; Cục Hải quan tỉnh	Sở Tài chính
7	Cập nhật, đánh giá thu ngân sách nhà nước theo sắc thuế giai đoạn 03 năm	Biểu số 3.7	Cục Thuế tỉnh	Sở Tài chính
8	Cập nhật, đánh giá chi cân đối ngân sách địa phương theo cơ cấu chi giai đoạn 03 năm	Biểu số 3.8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính
9	Cập nhật, đánh giá chi cân đối ngân sách cấp tỉnh theo lĩnh vực giai đoạn 03 năm	Biểu số 3.9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính
10	Tổng hợp nhu cầu chi ngân sách nhà nước giai đoạn 03 năm	Biểu số 3.10	Các cơ quan, đơn vị khối tỉnh	Sở Tài chính
11	Tổng hợp nhu cầu chi thường xuyên trong thời gian 03 năm	Biểu số 3.11	Các cơ quan, đơn vị khối tỉnh	Sở Tài chính
12	Chi tiết nhu cầu chi thường xuyên giai đoạn 03 năm	Biểu số 3.12	Các cơ quan, đơn vị khối tỉnh	Sở Tài chính
13	Tổng hợp mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu và nhu cầu chi mới giai đoạn 03 năm	Biểu số 3.13	Các cơ quan, đơn vị khối tỉnh	Sở Tài chính
14	Dự kiến số thu phí và chi từ nguồn thu phí được để lại theo chế độ giai đoạn 03 năm	Biểu số 3.14	Các cơ quan, đơn vị khối tỉnh	Sở Tài chính
15	Cập nhật, đánh giá nhu cầu chi ngân sách nhà nước giai đoạn 03 năm	Biểu số 3.15	Các cơ quan, đơn vị khối tỉnh	Sở Tài chính
16	Dự kiến thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực giai đoạn 03 năm	Biểu số 3.16	Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan	Sở Tài chính
17	Dự kiến chi ngân sách cấp tỉnh	Biểu số 3.17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính

TT	Tên biểu	Số biểu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan nhận
	theo cơ cấu chi giai đoạn 03 năm		Đầu tư	
18	Dự kiến kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 03 năm	Biểu số 3.18	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính

4. Biểu mẫu lập dự toán, phân bổ ngân sách địa phương:

TT	Tên biểu	Số biểu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan nhận
I	Mẫu biểu lập dự toán			
1	Đánh giá cân đối ngân sách địa phương năm...	Biểu số 4.1	UBND cấp dưới	Cơ quan tài chính, UBND cấp trên
2	Đánh giá thực hiện thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực năm...	Biểu số 4.2	Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan	Sở Tài chính
			UBND cấp dưới	Cơ quan tài chính, UBND cấp trên
3	Đánh giá thực hiện chi ngân sách địa phương theo cơ cấu chi năm	Biểu số 4.3	UBND cấp dưới	Cơ quan tài chính, UBND cấp trên
4	Cân đối ngân sách địa phương năm...	Biểu số 4.4	UBND cấp dưới	Cơ quan tài chính, UBND cấp trên
5	Dự toán thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực năm...	Biểu số 4.5	UBND cấp dưới	Cơ quan tài chính, UBND cấp trên
			Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan	Sở Tài chính
6	Dự toán chi ngân sách địa phương theo cơ cấu chi năm...	Biểu số 4.6	UBND cấp dưới	Cơ quan tài chính, UBND cấp trên
			Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính
7	Đánh giá cân đối nguồn thu, chi ngân sách cấp tỉnh (huyện) và ngân sách huyện (xã) năm...	Biểu số 4.7	UBND cấp dưới	Cơ quan tài chính, UBND cấp trên
8	Đánh giá thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từng huyện (xã) năm...	Biểu số 4.8	UBND cấp dưới	Cơ quan tài chính, UBND cấp trên
9	Đánh giá thực hiện chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh (huyện) và chi ngân sách huyện (xã) theo cơ cấu chi năm...	Biểu số 4.9	UBND cấp dưới	Cơ quan tài chính, UBND cấp trên
10	Đánh giá thực hiện chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) theo lĩnh vực	Biểu số 4.10	UBND cấp dưới	Cơ quan tài chính, UBND

TT	Tên biểu	Số biểu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan nhận
	năm...			cấp trên
11	Đánh giá thực hiện chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm	Biểu số 4.11	UBND cấp dưới	Cơ quan tài chính, UBND cấp trên
			Các đơn vị dự toán	Cơ quan tài chính
12	Đánh giá thực hiện chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...	Biểu số 4.12	UBND cấp dưới	Cơ quan tài chính, UBND cấp trên
			Các đơn vị chủ đầu tư	Cơ quan tài chính
13	Đánh giá thực hiện chi thường xuyên của ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...	Biểu số 4.13	UBND cấp dưới	Cơ quan tài chính, UBND cấp trên
			Các đơn vị chủ đầu tư	Cơ quan tài chính
14	Đánh giá thực hiện chi cân đối ngân sách từng huyện (xã) năm...	Biểu số 4.14	UBND cấp dưới	Cơ quan tài chính, UBND cấp trên
15	Tình hình thực hiện kế hoạch tài chính các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý năm...	Biểu số 4.15	Các quỹ ngoài ngân sách	Sở Tài chính
16	Đánh giá thực hiện thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công năm... (không bao gồm nguồn NSNN)	Biểu số 4.16	Các đơn vị dự toán	Cơ quan tài chính
17	Cân đối nguồn thu, chi dự toán ngân sách cấp tỉnh (huyện) và ngân sách huyện (xã) năm...	Biểu số 4.17	UBND cấp huyện	Sở Tài chính UBND tỉnh
18	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từng huyện (xã) năm	Biểu số 4.18	UBND cấp huyện	Sở Tài chính UBND tỉnh
19	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từng huyện (xã) theo lĩnh vực năm...	Biểu số 4.19	UBND cấp huyện	Sở Tài chính UBND tỉnh
20	Dự toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh (huyện) và ngân sách huyện (xã) theo cơ cấu chi năm...	Biểu số 4.20	UBND cấp huyện	Sở Tài chính UBND tỉnh
21	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) theo lĩnh vực năm...	Biểu số 4.21	UBND cấp dưới	Cơ quan tài chính, UBND cấp trên
22	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...	Biểu số 4.22	UBND cấp dưới	Cơ quan tài chính, UBND cấp trên
			Các đơn vị dự toán	Cơ quan tài chính

TT	Tên biểu	Số biểu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan nhận
23	Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...	Biểu số 4.23	UBND cấp dưới	Cơ quan tài chính, UBND cấp trên
			Các đơn vị dự toán	Cơ quan tài chính
24	Dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...	Biểu số 4.24	UBND cấp dưới	Cơ quan tài chính, UBND cấp trên
			Các đơn vị dự toán	Cơ quan tài chính
25	Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách cấp tỉnh (huyện) và ngân sách huyện (xã) năm...	Biểu số 4.25	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính
26	Dự toán thu, chi ngân sách địa phương và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới năm...	Biểu số 4.26	UBND cấp dưới	Cơ quan tài chính, UBND cấp trên
27	Dự toán chi ngân sách địa phương từng huyện (xã) năm...	Biểu số 4.27	UBND cấp huyện	Sở Tài chính, UBND tỉnh
28	Dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh (huyện) cho ngân sách từng huyện (xã) năm...	Biểu số 4.28	UBND cấp huyện	Sở Tài chính, UBND tỉnh
29	Dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ ngân sách cấp tỉnh (huyện) cho ngân sách từng huyện (xã) để thực hiện các chương trình mục tiêu năm...	Biểu số 4.29	UBND cấp huyện	Sở Tài chính, UBND tỉnh
30	Dự toán bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp từ ngân sách cấp tỉnh (huyện) cho ngân sách từng huyện (xã) để thực hiện các chế độ, nhiệm vụ và chính sách theo quy định năm...	Biểu số 4.30	UBND cấp huyện	Sở Tài chính, UBND tỉnh
31	Kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý năm	Biểu số 4.31	Các quỹ ngoài ngân sách	Sở Tài chính
32	Danh mục các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước năm	Biểu số 4.32	UBND cấp dưới	Cơ quan tài chính, UBND cấp trên
			Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính
33	Kế hoạch thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công năm (không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước)	Biểu số 4.33	Các đơn vị dự toán	Cơ quan tài chính
34	Tổng hợp dự toán thu ngân sách	Biểu số 4.34	Cơ quan Thuế	Cơ quan tài

TT	Tên biểu	Số biểu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan nhận
	nhà nước năm			chính, UBND cùng cấp
35	Tổng hợp dự toán thu ngân sách nhà nước theo sắc thuế năm	Biểu số 4.35	Cơ quan Thuế	Cơ quan tài chính, UBND cùng cấp
36	Dự kiến số thuế giá trị gia tăng phải hoàn trả năm	Biểu số 4.36	Cơ quan Thuế các cấp	Cơ quan tài chính, UBND cùng cấp
37	Tổng hợp dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm	Biểu số 4.37	Cơ quan Hải quan các cấp	Cơ quan tài chính, UBND cùng cấp
38	Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm	Biểu số 4.38	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
39	Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm... chi tiết theo đơn vị trực thuộc	Biểu số 4.39	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
40	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách nhà nước từ các khoản phí và lệ phí năm...	Biểu số 4.40	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
41	Tổng hợp dự toán thu, chi từ nguồn vay nợ nước ngoài và vốn đối ứng năm	Biểu số 4.41	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
42	Tổng hợp dự toán thu, chi từ nguồn viện trợ và vốn đối ứng năm	Biểu số 4.42	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
43	Dự toán chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu năm	Biểu số 4.43	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
44	Dự toán thu, chi theo lĩnh vực sự nghiệp năm	Biểu số 4.44	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
45	Dự toán thu, chi theo lĩnh vực sự nghiệp năm	Biểu số 4.45	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
46	Dự toán thu, chi theo lĩnh vực sự nghiệp năm	Biểu số 4.46	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
47	Dự toán thu, chi theo lĩnh vực sự nghiệp năm	Biểu số 4.47	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
48	Dự toán thu, chi theo lĩnh vực sự nghiệp năm	Biểu số 4.48	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
49	Cơ sở tính chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề năm	Biểu số 4.49	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
50	Cơ sở tính chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình năm	Biểu số 4.50	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
51	Cơ sở tính chi sự nghiệp khoa học và công nghệ năm	Biểu số 4.51	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
52	Cơ sở tính chi sự nghiệp văn hóa thông tin năm	Biểu số 4.52	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
53	Cơ sở tính chi sự nghiệp phát	Biểu số 4.53	Đơn vị dự toán	Cơ quan tài

TT	Tên biểu	Số biểu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan nhận
	thanh, truyền hình, thông tấn năm		cấp I	chính cùng cấp
54	Cơ sở tính chi sự nghiệp thể dục, thể thao năm	Biểu số 4.54	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
55	Cơ sở tính chi sự nghiệp bảo vệ môi trường năm	Biểu số 4.55	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
56	Cơ sở tính chi các hoạt động kinh tế năm	Biểu số 4.56	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
57	Chi tiết chi các hoạt động kinh tế theo chương trình/dự án năm	Biểu số 4.57	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
58	Cơ sở tính chi thực hiện chính sách đối với các đối tượng thuộc lĩnh vực bảo đảm xã hội năm	Biểu số 4.58	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
59	Cơ sở tính chi thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng năm	Biểu số 4.59	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
60	Cơ sở tính chi thực hiện chính sách trợ giúp xã hội năm	Biểu số 4.60	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
61	Cơ sở tính chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể năm	Biểu số 4.61	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
62	Báo cáo biên chế - tiền lương của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể năm	Biểu số 4.62	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
63	Báo cáo lao động - tiền lương - nguồn kinh phí đảm bảo của các đơn vị sự nghiệp năm	Biểu số 4.63	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
64	Kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách năm	Biểu số 4.64	Các quỹ ngoài ngân sách	Sở Tài chính
65	Dự toán chi đầu tư từ nguồn NSNN (vốn trong nước) năm	Biểu số 4.65	Đơn vị chủ đầu tư	Cơ quan tài chính cùng cấp
66	Dự toán chi đầu tư từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi theo phương thức cấp phát từ NSTW (không bao gồm vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước) năm	Biểu số 4.66	Đơn vị chủ đầu tư	Cơ quan tài chính cùng cấp
67	Dự toán chi đầu tư từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi theo phương thức cấp phát (giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước) năm	Biểu số 4.67	Đơn vị chủ đầu tư	Cơ quan tài chính cùng cấp
68	Dự toán chi đầu tư từ nguồn vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP (vốn trong nước) năm	Biểu số 4.68	Đơn vị chủ đầu tư	Cơ quan tài chính cùng cấp
69	Tổng hợp dự toán chi đầu tư phát	Biểu số 4.69	Đơn vị chủ đầu tư	Cơ quan tài

TT	Tên biểu	Số biểu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan nhận
	triển năm			chính cùng cấp
II	Mẫu biểu phân bổ và chấp hành ngân sách nhà nước			
70	Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm	Biểu số 4.70	Các đơn vị dự toán	Cơ quan tài chính cùng cấp
71	Phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm	Biểu số 4.71	Các đơn vị dự toán	Cơ quan tài chính cùng cấp
72	Ước thực hiện thu NSNN tháng ... năm...	Biểu số 4.72	Cơ quan Thuế, Hải quan	Cơ quan tài chính cùng cấp

5. Biểu mẫu quyết toán ngân sách địa phương:

TT	Tên biểu	Số biểu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan nhận
1	Quyết toán cân đối ngân sách địa phương năm...	Biểu số 5.1	Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã	Cơ quan tài chính cấp trên
2	Quyết toán cân đối nguồn thu, chi ngân sách cấp tỉnh (huyện) và ngân sách huyện (xã) năm...	Biểu số 5.2	Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã	Cơ quan tài chính cấp trên
3	Quyết toán nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo lĩnh vực năm...	Biểu số 5.3	Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã	Cơ quan tài chính cấp trên
4	Quyết toán chi ngân sách địa phương theo lĩnh vực năm....	Biểu số 5.4	Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã	Cơ quan tài chính cấp trên
5	Quyết toán chi ngân sách cấp huyện (xã) theo lĩnh vực năm....	Biểu số 5.5	Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã	Cơ quan tài chính cấp trên
6	Quyết toán chi ngân sách địa phương ngân sách cấp huyện (xã) theo cơ cấu chi năm...	Biểu số 5.6	Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã	Cơ quan tài chính cấp trên
7	Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...	Biểu số 5.7	Đơn vị dự toán cấp tỉnh, huyện, xã	Cơ quan tài chính cùng cấp
			UBND cấp huyện, xã	Cơ quan tài chính cấp trên
8	Quyết toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...	Biểu số 5.8	Các Chủ đầu tư	Cơ quan tài chính cùng cấp
			UBND cấp huyện, xã	Cơ quan tài chính cấp trên
9	Quyết toán chi thường xuyên của ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho	Biểu số 5.9	Đơn vị dự toán cấp tỉnh, huyện, xã	Cơ quan tài chính cùng cấp

TT	Tên biểu	Số biểu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan nhận
	từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...		UBND cấp huyện, xã	Cơ quan tài chính cấp trên
10	Tổng hợp quyết toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) của từng cơ quan, tổ chức theo nguồn vốn năm...	Biểu số 5.10	Đơn vị dự toán cấp tỉnh, huyện, xã	Cơ quan tài chính cùng cấp
			UBND cấp huyện, xã	Cơ quan tài chính cấp trên
11	Quyết toán chi ngân sách địa phương từng huyện (xã) năm...	Biểu số 5.11	UBND cấp huyện, xã	Cơ quan tài chính cấp trên
12	Quyết toán chi bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh (huyện) cho ngân sách từng huyện (xã) năm...	Biểu số 5.12	UBND cấp huyện, xã	Cơ quan tài chính cấp trên
13	Quyết toán thu ngân sách huyện (xã) năm...	Biểu số 5.13	UBND cấp huyện, xã	Cơ quan tài chính cấp trên
14	Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia năm...	Biểu số 5.14	- Các đơn vị dự toán cấp tỉnh, huyện, xã; - Các chủ đầu tư	Cơ quan tài chính cùng cấp
			UBND cấp huyện, xã	Cơ quan tài chính cấp trên
15	Quyết toán vốn đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước năm...	Biểu số 5.15	Các chủ đầu tư	Cơ quan tài chính cùng cấp
			UBND cấp huyện, xã	Cơ quan tài chính cấp trên
16	Tổng hợp các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý năm...	Biểu số 5.16	Các đơn vị được giao quản lý quỹ	Cơ quan tài chính cùng cấp
			UBND cấp huyện, xã	Cơ quan tài chính cấp trên
17	Tổng hợp thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công năm.... (không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước)	Biểu số 5.17	Các đơn vị dự toán tỉnh, huyện, xã	Cơ quan tài chính cùng cấp
			UBND cấp huyện, xã	Cơ quan tài chính cấp trên
18	Số dư tài khoản tiền gửi kinh phí ngân sách cấp của đơn vị dự toán được chuyển nguồn sang năm sau của các đơn vị thuộc ngân sách các cấp năm...chuyển sang năm....	Biểu số 5.18	Các đơn vị dự toán	Cơ quan tài chính cùng cấp
19	Tình hình thực hiện dự toán của các nhiệm vụ được chuyển nguồn sang năm sau của các đơn vị thuộc ngân	Biểu số 5.19	Các đơn vị dự toán	- Cơ quan tài chính cùng cấp

TT	Tên biểu	Số biểu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan nhận
	sách các cấp năm... chuyển sang năm...			
20	Cân đối quyết toán ngân sách địa phương năm....	Biểu số 5.20	Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã	Cơ quan tài chính cấp trên
21	Quyết toán thu NSNN, vay NSDP năm...	Biểu số 5.21		
22	Quyết toán chi ngân sách địa phương năm....	Biểu số 5.22		
23	Quyết toán thu NSNN, vay NSDP theo mục lục ngân sách nhà nước năm...	Biểu số 5.23	Phòng tài chính kế hoạch, ban tài chính xã	Cơ quan tài chính cấp trên
24	Quyết toán chi, trả nợ NSDP theo mục lục ngân sách nhà nước năm...	Biểu số 5.24		
25	Quyết toán chi chương trình mục tiêu theo mục lục ngân sách nhà nước năm....	Biểu số 5.25		
26	Thuyết minh tăng, giảm chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể năm....	Biểu số 5.26		
27	Thuyết minh chi khắc phục hậu quả thiên tai năm....	Biểu số 5.27		
28	Thuyết minh tình hình sử dụng nguồn dự phòng, tăng thu và thưởng vượt dự toán thu ngân sách năm....	Biểu mẫu số 5.28		
29	Báo cáo tình hình kiểm toán, thanh tra năm....	Biểu mẫu số 5.29	Đơn vị dự toán cấp I	Cơ quan tài chính cùng cấp
			Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã	Cơ quan tài chính cấp trên
30	Báo cáo chi chuyển nguồn sang năm sau năm....	Biểu mẫu số 5.30	Phòng tài chính kế hoạch, ban tài chính xã	Cơ quan tài chính cấp trên



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đốc